

Superior Court of Washington, County of \_\_\_\_\_  
Tòa Thượng Thẩm Washington, Quận \_\_\_\_\_

In re the marriage/domestic partnership of:  
Về việc hôn nhân/mối quan hệ bạn tình sống  
chung của:

Petitioner (person who started this case):  
Nguyên Đơn (người đã khởi đầu vụ án này):

And Respondent (other spouse / partner):  
Và Bị Đơn (vợ hoặc chồng/bạn tình còn lại):

No. \_\_\_\_\_  
Số \_\_\_\_\_

**Immediate Restraining Order (Ex Parte)  
and Hearing Notice**

**Lệnh Cấm Ngay Lập Tức (Một Bên)  
và Thông Báo Phiên Xét Xử**

(TPROTSC / ORTSC)

(TPROTSC / ORTSC)

Clerk's action required: 2, 10, 11, 15

Việc lục sự cần làm: 2, 10, 11, 15

**Immediate Restraining Order (Ex Parte)  
and Hearing Notice**  
**Lệnh Cấm Ngay Lập Tức (Một Bên)  
và Thông Báo Phiên Xét Xử**

**Use this form** in marriage/domestic partner cases only. For other cases, use FL Parentage 322 or FL Modify 622, depending on the type of case.

**Sử dụng mẫu đơn này** chỉ trong vụ án hôn nhân/mối quan hệ bạn tình sống chung. Đối với các vụ án khác, hãy sử dụng FL Quan hệ cha mẹ 322 hoặc FL Sửa đổi 622, tùy thuộc vào loại vụ án.

- This Order starts immediately and ends after the hearing listed below.**  
**Lệnh này bắt đầu ngay lập tức và kết thúc sau phiên xét xử được liệt kê dưới đây.**
- Hearing Notice** – The court will consider extending this order and the other requests made by the protected person at a court hearing:  
**Thông Báo Phiên Xét Xử** – Tòa án sẽ xem xét gia hạn lệnh này và các yêu cầu khác của người được bảo vệ tại phiên tòa:



on: \_\_\_\_\_ at: \_\_\_\_\_  
vào: \_\_\_\_\_ lúc: \_\_\_\_\_

date  
ngày

time  
giờ

[ ] a.m. [ ] p.m.  
[-] a.m. [-] p.m.

at: \_\_\_\_\_,  
 tại: \_\_\_\_\_,  
 court's address room or department  
 địa chỉ của tòa án phòng hoặc ban

\_\_\_\_\_  
 docket/calendar or judge/commissioner's name  
 sổ ghi án/ lịch hoặc tên của thẩm phán/ ủy viên

**Warning!** If you do not go to the hearing, the court may make orders against you without hearing your side.

**Cảnh Báo!** Nếu quý vị không đến phiên xét xử, tòa án có thể ra lệnh chống lại quý vị mà không cần xét xử từ bên quý vị.

3. **This Order Restrains (name):** \_\_\_\_\_  
**Lệnh Này Ngăn Cấm (tên):** \_\_\_\_\_

**Warning!** You must obey this order or you may be jailed.

**Cảnh Báo!** Quý vị phải tuân theo lệnh này hoặc quý vị có thể bị bỏ tù.

- Violation [of sections 6-8]: You can be arrested even if the protected person or persons invite or allow you to violate the order. You alone are responsible for following the order. Only the court may change the order. Requests for changes must be made in writing. Violation of this order with actual notice of its terms is a **criminal offense** under chapter 7.105 RCW and will subject a violator to arrest.  
*Hành vi vi phạm [của mục 6-8]: Quý vị có thể bị bắt cho dù những người được bảo vệ hoặc những người mời hoặc cho phép quý vị vi phạm lệnh. Một mình quý vị có trách nhiệm thực hiện theo lệnh. Chỉ có tòa án mới có thể thay đổi lệnh. Yêu cầu về các thay đổi phải được thực hiện bằng văn bản. Sự vi phạm lệnh này với thông báo thực tế về các điều khoản của lệnh là hành vi phạm tội hình sự theo chương 7.105 RCW và người vi phạm sẽ bị bắt giữ.*
- Violation of **any** part of this order may result in financial penalties or contempt of court.  
*Vi phạm bất kỳ phần nào của lệnh này có thể dẫn đến hình phạt tài chính hoặc coi thường tòa án.*
- This order is enforceable in all 50 U.S. states, the District of Columbia, and U.S. territories and tribal lands (18 U.S.C. § 2265).  
*Lệnh này có hiệu lực thi hành ở tất cả 50 tiểu bang của Hoa Kỳ, District of Columbia, cũng như các vùng lãnh thổ và vùng đất bộ lạc của Hoa Kỳ (18 U.S.C. § 2265).*

4. **This Order Protects (name/s):** \_\_\_\_\_  
**Lệnh Này Bảo Vệ ((các) tên):** \_\_\_\_\_  
**and these children under 18 (if any):**  
**và trẻ em dưới 18 (nếu có)**

Child's name Tên con	Age Tuổi	Child's name Tên con	Age Tuổi
1.		2.	
3.		4.	
5.		6.	

**5. Findings**

**Các Sự Việc Được Xác Nhận**

The court has reviewed the *Motion for Immediate Restraining Order*, supporting documents, and any other evidence considered on the record, including \_\_\_\_\_

The court finds that there would be irreparable harm as described in the *Motion* if this order is not granted.

*Tòa án đã xem xét Kiến Nghị Xin Lệnh Cấm Ngay Lập Tức, các tài liệu hỗ trợ và bất kỳ bằng chứng nào khác được xem xét trong hồ sơ, bao gồm*

*Tòa án nhận thấy rằng sẽ có tổn hại không thể khắc phục được như được mô tả trong Kiến Nghị nếu lệnh này không được chấp thuận.*

*If hearing date is more than 14 days away – There is good cause to keep this order in effect until the hearing date (which is between 14 and 28 days after this order is issued) because (describe the good cause):*

*Nếu còn hơn 14 ngày nữa mới đến ngày xét xử – Có lý do chính đáng để giữ lệnh này có hiệu lực cho đến ngày xét xử (trong khoảng từ 14 đến 28 ngày sau khi lệnh này được ban hành) bởi vì (mô tả lý do chính đáng):*

\_\_\_\_\_

Other findings: \_\_\_\_\_  
*Các sự việc được xác nhận khác:*

\_\_\_\_\_

➤ **Court Orders to the Restrained Person listed in 3:  
Lệnh Tòa dành cho Người Bị Ngăn Cấm được liệt kê ở 3:**

**6. Do Not Disturb  
Không Làm Phiền**

No request made.  
*Không thực hiện yêu cầu.*

Request denied.  
*Yêu cầu bị từ chối.*

Do not disturb the peace of the Protected Person or of any child listed in 4.  
*Không làm phiền sự yên bình của Người Được Bảo Vệ hoặc của bất kỳ trẻ em nào được liệt kê ở 4.*

**7. Stay Away  
Tránh Xa**

No request made.  
*Không thực hiện yêu cầu.*

Request denied.  
*Yêu cầu bị từ chối.*

Do not go onto the grounds of or enter the Protected Person’s home, workplace, vehicle, or school, or the daycare or school of any child listed in 4.  
*Không đi vào khuôn viên hoặc vào nhà, nơi làm việc, xe cộ hoặc trường học của Người Được Bảo Vệ hoặc nhà trẻ hay trường học của bất kỳ trẻ nào được liệt kê ở 4.*

- [ ] Do not knowingly go or stay within \_\_\_\_\_ feet of the Protected Person's home, workplace, vehicle, or school, or the daycare or school of any child listed in 4.  
*Không cố ý đi vào hoặc ở trong phạm vi [-] feet từ nhà, nơi làm việc, xe cộ hoặc trường học của Người Được Bảo Vệ hoặc nhà trẻ hay trường học của bất kỳ trẻ nào được liệt kê ở 4.*

**8. Do Not Hurt or Threaten**  
***Không Làm Tổn Thương hoặc Đe Dọa***

- [ ] No request made.  
*Không thực hiện yêu cầu.*
- [ ] Request denied.  
*Yêu cầu bị từ chối.*
- [ ] Do not:  
*Không:*
- Assault, harass, stalk, or molest the Protected Person or any child listed in 4; or  
*Tấn công, quấy rối, lén theo hoặc làm phiền Người Được Bảo Vệ hoặc bất kỳ trẻ nào được liệt kê ở 4; hoặc*
  - Use, try to use, or threaten to use physical force against the Protected Person or children that would reasonably be expected to cause bodily injury.  
*Sử dụng, cố sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực đối với Người Được Bảo Vệ hoặc trẻ em có khả năng gây tổn thương cơ thể một cách hợp lý.*

**9. Surrender Weapons**  
***Giao Nộp Vũ Khí***

- [ ] Does not apply. No order entered in section 8 and no request made.  
*Không áp dụng. Không có lệnh nào được đưa vào mục 8 và không thực hiện yêu cầu nào.*
- [ ] Request denied and surrender of weapons not required.  
*Yêu cầu bị từ chối và không cần phải giao nộp vũ khí.*
- [ ] The Restrained Person must follow the **Order to Surrender and Prohibit Weapons** (form WS 001) signed by the court and filed separately.  
*Người Bị Ngăn Cấm phải tuân theo **Lệnh Giao Nộp và Cấm Vũ Khí** (mẫu đơn WS 001) được tòa án ký và nộp riêng biệt.*

**Findings** – The court finds irreparable injury could result if this order is not issued until the time for response has elapsed.

**Các Sự Việc Được Xác Nhận** – Tòa án nhận thấy rằng có thể xảy ra tổn thương không thể khắc phục được nếu lệnh này không được ban hành cho đến khi hết thời gian phản hồi.

**10. Service On the Restrained Person**  
***Cần Phải Tổng Đạt Cho***

- [ ] **Required.** The Restrained Person must be served with a copy of this order.  
***Người Bị Ngăn Cấm.*** *Người Bị Ngăn Cấm phải được tổng đạt một bản sao lệnh này.*

**Important!** The Protected Person has a right to have law enforcement serve this order free of charge if the “Do not disturb,” “Stay away,” “Do not hurt or threaten,” or “Prohibit weapons and order surrender” boxes are checked above.

**Quan Trọng!** Người Được Bảo Vệ có quyền yêu cầu cơ quan thực thi pháp luật tổng đạt lệnh này miễn phí nếu đánh dấu các ô trên đây “Không làm phiền”, “Tránh xa”, “Không làm tổn thương hoặc đe dọa” hoặc “Nghiêm cấm vũ khí và lệnh giao nộp”.

- [ ] The **law enforcement agency** where the Restrained Person lives or can be served shall serve the Restrained Person with a copy of this order and shall promptly complete and return proof of service to this court.

**Cơ quan thực thi pháp luật** nơi Người Bị Ngăn Cấm sống hoặc có thể được tổng đạt sẽ tổng đạt cho Người Bị Ngăn Cấm một bản sao lệnh này và phải nhanh chóng hoàn tất và gửi lại bằng chứng tổng đạt cho tòa án này.

Law enforcement agency: (county or city) \_\_\_\_\_

(check only one): [ ] Sheriff’s Office or [ ] Police Department

Cơ quan thực thi pháp luật: (quận hoặc thành phố)

(đánh dấu chỉ một mục): [-] Văn Phòng Cảnh Sát Trưởng hoặc [-] Sở Cảnh Sát

- [ ] The **Protected Person** shall make private arrangements for service.

(This is only an option if surrender of weapons is **not** ordered)

**Người Được Bảo Vệ** phải sắp xếp việc tổng đạt một cách riêng tư.

(Đây chỉ là một tùy chọn nếu **không** có lệnh giao nộp vũ khí)

After serving, the server fills out a *Proof of Personal Service* (form FL All Family 101) and gives it to you. File the original *Proof of Personal Service* with the court clerk, and give a copy to the law enforcement agency listed in section 11 below.

Sau khi tổng đạt, người tổng đạt phải điền vào Bảng Chứng Tổng Đạt Cá Nhân (mẫu đơn FL Tất cả gia đình 101) và cung cấp bằng chứng này cho quý vị. Nộp bản gốc Bảng Chứng Tổng Đạt Cá Nhân cho lục sự tòa án và cung cấp một bản sao cho cơ quan thực thi pháp luật được liệt kê trong mục 11 dưới đây.

**Clerk’s Action.** The court clerk shall forward a copy of this order on or before the next judicial day to the agency and/or person checked above. The court clerk shall also provide a copy to the Protected Person.

**Việc Lục Sự Làm.** Lục sự tòa án sẽ chuyển tiếp một bản sao lệnh này vào hoặc trước ngày xét xử tiếp theo cho cơ quan và/hoặc người được đánh dấu trên đây. Lục sự tòa án cũng phải cung cấp một bản sao cho Người Được Bảo Vệ.

- [ ] **Not required.** The Restrained Person does not have to be served because the Restrained Person or their lawyer signed this order, or was at the hearing when this order was made and the court finds sufficient notice.

**Không bắt buộc.** Người Bị Ngăn Cấm không cần phải được tổng đạt bởi vì Người Bị Ngăn Cấm hoặc luật sư của họ đã ký lệnh này hoặc có mặt tại phiên xét xử khi lệnh này được ban hành và tòa án nhận thấy có thông báo đầy đủ.

## 11. **Washington Crime Information Center (WACIC) and Other Data Entry Trung Tâm Thông Tin Tội Phạm Washington (WACIC) và Nhập Dữ Liệu Khác**

**Clerk's Action.** The court clerk shall forward a copy of this order on or before the next judicial day to the following law enforcement agency (*county or city*) \_\_\_\_\_

(**check only one**):  Sheriff's Office or  Police Department.

**Việc Lục Sự Làm.** Lục sự tòa án sẽ chuyển tiếp bản sao lệnh này vào hoặc trước ngày xét xử tiếp theo đến cơ quan thực thi pháp luật sau đây (quận hoặc thành phố)

(**đánh dấu chỉ một mục**): [-] Văn Phòng Cảnh Sát Trưởng hoặc [-] Sở Cảnh Sát.

(List the same agency that entered the temporary order, if any)

(Liệt kê cùng cơ quan đã ban hành lệnh tạm thời, nếu có)

This agency shall enter this order into WACIC and National Crime Info. Center (NCIC).  
Cơ quan này sẽ nhập lệnh này vào WACIC và Trung Tâm Thông Tin Tội Phạm Quốc Gia (NCIC).

**12. Care and Safety of Children until the Hearing**

**Chăm Sóc và An Toàn Cho Các Trẻ cho đến Phiên Xét Xử**

No request made.

*Không thực hiện yêu cầu.*

Request denied.

*Yêu cầu bị từ chối.*

The (**check one or both**):  Petitioner  Respondent must not take the children listed in **4** out of Washington state.

(**đánh dấu một hoặc cả hai mục**) [-] Nguyên Đơn [-] Bị Đơn không được đưa các trẻ được liệt kê ở **4** ra khỏi Tiểu Bang Washington.

Until the hearing, the children listed in **4** will live with the (**check one**):

Cho đến khi phiên xét xử, các trẻ được liệt kê ở **4** sẽ sống với (**đánh dấu một mục**):

Petitioner  Respondent.

[-] Nguyên Đơn [-] Bị Đơn.

Other: \_\_\_\_\_

*Khác:*

**13. Protect Property**

**Bảo Vệ Tài Sản**

No request made.

*Không thực hiện yêu cầu.*

Request denied.

*Yêu cầu bị từ chối.*

The (**check one or both**):  Petitioner  Respondent must not move, take, hide, damage, borrow against, sell or try to sell, or get rid of any property, unless it is a usual business practice or to pay for basic needs. Both spouses/domestic partners must notify the other about any expenses that are out of the ordinary.

(**đánh dấu một hoặc cả hai mục**): [-] Nguyên Đơn [-] Bị Đơn không được di chuyển, lấy, giấu, làm hư hỏng, mượn, bán hoặc cố bán, hoặc vứt bỏ bất kỳ tài sản nào, trừ khi đó là thông lệ kinh doanh bình thường hoặc để chi trả cho các nhu cầu cơ bản. Cả hai vợ chồng/bạn tình sống chung phải thông báo cho nhau về bất kỳ chi phí nào khác thường.

**14. Do Not Change Insurance**

**Không Thay Đổi Bảo Hiểm**

- No request made.  
*Không thực hiện yêu cầu.*
- Request denied.  
*Yêu cầu bị từ chối.*
- The (*check one or both*):  Petitioner  Respondent must not make changes to any medical, health, life, property, or auto insurance policy that covers either spouse/domestic partner or any child named in 4. That means they must not transfer, cancel, borrow against, let expire, or change the beneficiary of any policy.  
*(đánh dấu một mục hoặc cả hai mục): [-] Nguyên Đơn [-] Bị Đơn không được thực hiện các thay đổi về bất kỳ hợp đồng bảo hiểm y tế, sức khỏe, nhân thọ, tài sản hoặc ô tô nào bao trả cho vợ hoặc chồng/bạn tình sống chung hoặc bất kỳ trẻ nào được liệt kê ở 4. Việc đó có nghĩa là họ không được chuyển giao, hủy bỏ, vay mượn, cho phép hết hạn hoặc thay đổi người thụ hưởng bất kỳ hợp đồng nào.*

**15. Bond**  
**Tiền Thế Chân**

- No bond or security is required.  
*Không yêu cầu tiền thế chân hoặc tiền bảo chứng.*
- The  Petitioner  Respondent must file a bond or post security. Amount: \$ \_\_\_\_\_  
*[-] Nguyên Đơn [-] Bị Đơn phải nộp tiền thế chân hoặc tiền bảo chứng sau. Số tiền: \$*

**16. Other Immediate Orders**  
**Các Lệnh Ngay Lập Tức Khác**

- Does not apply.  
*Không áp dụng.*
- \_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_

**Ordered.**  
**Lệnh.**

		<b>Judge/Commissioner</b>
Date	Time	<b>Thẩm Phán/Ủy Viên</b>
Ngày	Giờ	

Presented by:  Petitioner  Respondent  
*Được trình bày bởi: [-] Nguyên Đơn [-] Bị Đơn*

Sign here	Print name (if lawyer, also list WSBA #)	Date
Ký ở đây	Tên viết in (nếu luật sư, cũng liệt kê WSBA #)	Ngày

Protected person must complete a *Law Enforcement and Confidential Information* form, PO 003, and give it to the court clerk.

*Người được bảo vệ phải điền vào mẫu đơn Thực Thi Pháp Luật và Thông Tin Bí Mật, PO 003, và cung cấp cho lục sự tòa án.*